

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 04-3-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Minh;

Bà Phùng Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn H, trú tại: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 10 năm 2021 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị N xây dựng hạnh phúc với anh Vũ Văn H do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 9 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Những năm đầu chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận và có 02 con chung. Trong quá trình chung sống đến năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp nhau. Anh H sống gia trưởng, cấm đoán chị không cho chị có bất kỳ mối quan hệ bạn bè nào, luôn phải sống theo sự áp đặt, ý muốn của anh H. Anh H thường xuyên uống rượu và chửi xúc phạm chị và bố mẹ chị gây ức chế tâm lý cho chị, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài ảnh hưởng lớn đến việc dạy dỗ các con. Do vậy cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không mang lại hạnh phúc cho nhau nên chị quyết định về nhà bố mẹ đẻ thôn Đại Điền xã Tân Viên, huyện An Lão ở và sống ly thân với anh H thời gian đã lâu. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn H. Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Vũ Hải Y, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2011 và Vũ Anh T, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2015. Trong đơn xin ly hôn chị đề nghị được nuôi 02 con nhưng anh H không đồng ý. Ly hôn chị N nhường quyền cho anh H nuôi dưỡng 02 con và chị có trách nhiệm tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn H có lời khai thể hiện: Anh nhất trí lời khai của chị N về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chị N đi làm Công ty thường xuyên về không đúng giờ, anh H nghi ngờ chị N có dấu hiệu ngoại tình hay lấy lý do đi làm đêm không về nhà. Chị N chơi họ tự bốc họ và bỏ nhà đi, anh không đánh đuổi, khi anh đi tìm về thì chị N yêu cầu ly hôn anh. Anh H mong muốn chị N nhận thấy khuyết điểm và thay đổi để vợ chồng đoàn tụ nuôi các con. Nếu chị N kiên quyết ly hôn thì tùy chị N, anh không ly hôn. Về con chung: Anh H nhất trí vợ chồng có 02 con chung, họ, tên, tuổi con như chị N trình bày. Nếu ly hôn anh H đề nghị nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Vũ Văn H vắng mặt tại họp, hòa giải và phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Vũ Văn H; về con chung: Giao con Vũ Hải Y, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2011 và Vũ Anh T, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2015 cho anh Vũ Văn H nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nguyễn Thị N; về tài sản chung: Chị N và anh H không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với anh Vũ Văn H. Anh H có nơi cư trú tại thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Vũ Văn Huân vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn H xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 9 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống chị N và anh H xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nhiều lần vợ chồng cãi vã, xô xát, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị N về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng từ tháng 8 năm 2021 và sống ly thân với anh H từ đó đến nay. Chị N xin ly hôn anh H, anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh H đều vắng mặt. Như vậy chứng tỏ anh H từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N xin ly hôn anh H là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Vũ Hải Y, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2011 và Vũ Anh T, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2015. Ly hôn chị N nhất trí nhường quyền cho anh H nuôi 02 con và chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con. Căn cứ vào tài liệu xác minh về điều kiện hiện nay của anh H có công việc, có thu nhập, có nơi ở ổn định, hiện anh H đang nuôi 02 con. Cháu Yến và cháu Tuấn trên 7 tuổi đều có đơn xin ở với anh H, Hội đồng xét xử giao cho anh H được nuôi 02 con, anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc chị N cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Vũ Văn H.

2. Về con chung: Giao con Vũ Hải Y, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2011 và Vũ Anh T, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2015 cho anh Vũ Văn H nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nguyễn Thị N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0001099 ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn